

# PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI LỢN VIETGAHP Ở HUYỆN CẨM GIÀNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

Nguyễn Thị Dương Nga

*Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

*Email: ngantd@gmail.com*

Ngày gửi bài: 04.07.2017

Ngày chấp nhận: 09.08.2017

## TÓM TẮT

Chăn nuôi lợn theo quy trình thực hành nông nghiệp tốt của Việt Nam (VietGAHP) là hướng đi nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững cho ngành hàng thịt lợn. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng và đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển chăn nuôi lợn của các hộ theo quy trình VietGAHP tại huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương trong thời gian tới. Số liệu được thu thập từ điều tra 60 hộ chăn nuôi lợn, được xử lý bằng thống kê mô tả và thống kê so sánh. Kết quả cho thấy các hộ đã cơ bản đáp ứng các tiêu chí quan trọng về quản lý thức ăn, nước uống và vệ sinh, bảo quản và sử dụng vaccin, thuốc thú y cũng như quản lý chất thải và bảo vệ môi trường. Lợi ích cơ bản của chăn nuôi VietGAHP là giảm dịch bệnh và mang lại thu nhập cao hơn cho người chăn nuôi, đặc biệt khi người tiêu dùng quan tâm hơn tới vấn đề an toàn thực phẩm. Tuy vậy người chăn nuôi cũng gặp những khó khăn về tính phức tạp của một số tiêu chí cũng như chưa có sự phân biệt giá sản phẩm của VietGAHP trên thị trường. Trên cơ sở đó, một số giải pháp chủ yếu nhằm phát triển chăn nuôi lợn theo tiêu chuẩn VietGAHP được đề xuất.

Từ khoá: Phát triển, chăn nuôi lợn, VietGAHP.

## Development of VietGAHP Pig Production in Cam Giang District, Hai Duong Province

### ABSTRACT

Pig production applying Vietnam Good Animal Husbandry Practices (VietGAHP) is a way for improving competitiveness and sustainable development of pig sector in Vietnam. The study was designed to evaluate the current situation of pig smallholder farms and provide key recommendations for VietGAHP pig production in Cam Giang district, Hai Duong province. The data was collected through survey of 60 pig farmers and descriptive and comparative statistics were employed. Results showed that pig farmers basically met requirements on feed management, water quality, hygiene, preservation and use of vaccine, waste management and environmental protection. The main benefits from VietGAHP pig production were reduction of pig diseases and improvement of farmer's income, especially in the context of rising consumers' concern about food safety. However, pig farmers also faced difficulties in applying VietGAHP due to the complicated criteria, as well as indifference between VietGAHP and conventional pork prices in market. Key recommendations for VietGAHP pig production were proposed accordingly.

Keywords: Development, pig production, VietGAHP.

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chăn nuôi lợn theo thực hành nông nghiệp tốt (GAP) là một trong các xu hướng của ngành chăn nuôi trên thế giới trong đó có các nước điển hình bên cạnh Việt Nam là Malaysia, Thái Lan, Philippines. Từ năm 2005, Tổ chức Nông lương thế giới (FAO) đã quan tâm tới vấn đề vệ sinh

an toàn thực phẩm từ trang trại tới bàn ăn và đã có những tổng kết về thực hành nông nghiệp tốt tại một số nước trong chăn nuôi. Tại Việt Nam, dự án cạnh tranh ngành chăn nuôi và an toàn thực phẩm (LIFSAP) đã được triển khai năm 2010 trên phạm vi 12 tỉnh/thành phố trong cả nước. Mục tiêu chung của dự án là nâng cao khả năng cạnh tranh của các hộ chăn nuôi

thông qua nâng cao năng suất, chất lượng, an toàn thực phẩm và giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong chuỗi sản phẩm chăn nuôi theo hướng chăn nuôi sạch từ trang trại đến bàn ăn ở các tỉnh dự án. Trong đó có một hợp phần hỗ trợ sản xuất chăn nuôi nông hộ, khuyến khích thực hành chăn nuôi an toàn trong các vùng ưu tiên. Hải Dương là một trong 12 tỉnh triển khai thí điểm dự án tại 4 huyện, trong đó Cẩm Giàng là huyện có số hộ tham gia nhiều nhất. Đã có những tổng kết về hiệu quả mô hình chăn nuôi lợn VietGAHP của thành phố Hà Nội (Nguyễn Ngọc Xuân và Nguyễn Hữu Ngoan, 2014), hay của huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên (Giang Hương và cs., 2016). Trong các nghiên cứu này cũng chỉ ra một số lợi ích cũng như bất cập, hạn chế trong áp dụng quy trình này, song chưa có nghiên cứu nào được thực hiện ở huyện Cẩm Giàng về vấn đề này. Trong bối cảnh thị trường và thay đổi hành vi người tiêu dùng thì chăn nuôi theo quy trình VietGAHP sẽ vẫn là xu thế của ngành chăn nuôi lợn trong thời gian tới. Bài viết này nhằm mục tiêu: (i) Đánh giá thực trạng phát triển chăn nuôi lợn VietGAHP ở huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương; (ii) Phân tích cơ hội và thách thức của việc phát triển chăn nuôi lợn VietGAHP ở huyện Cẩm Giàng. Trên cơ sở đó, đề xuất một số kiến nghị, giải pháp nhằm phát triển chăn nuôi lợn VietGAHP ở địa phương trong thời gian tới.

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu này dựa trên dữ liệu điều tra của 60 hộ nông dân chăn nuôi lợn ở huyện Cẩm Giàng tại hai xã thực hiện chăn nuôi VietGAHP là Cẩm Đông và Tân Trường, với các hệ thống chăn nuôi khác nhau (41 hộ áp dụng và 19 hộ chưa áp dụng quy trình VietGAHP), với cách chọn ngẫu nhiên từ danh sách các hộ chăn nuôi lợn VietGAHP, các hộ chăn nuôi thông thường được chọn theo phương pháp thuận tiện ở xung quanh các hộ chăn nuôi VietGAHP. Thảo luận nhóm với nông dân cũng được thực hiện tại địa phương và sử dụng phương pháp xếp hạng trong công cụ của PRA. Các phương pháp truyền thống như phương pháp phân tổ, phương pháp

thống kê mô tả, phương pháp hạch toán và phương pháp so sánh được sử dụng để xử lý và phân tích dữ liệu. Để các kết luận có ý nghĩa khoa học, trong nghiên cứu cũng sử dụng các phương pháp kiểm định thống kê, đặc biệt là sử dụng t-test nhằm kiểm định sự khác nhau của các giá trị trung bình ở các nhóm khác nhau.

## 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 3.1. Thông tin chung về hộ điều tra

Chủ hộ chủ yếu là nam giới, tuổi bình quân của chủ hộ là 47 - 48 tuổi. Về trình độ văn hoá, các chủ hộ điều tra chủ yếu là tốt nghiệp phổ thông trung học (Bảng 1). Chỉ có 17% số hộ thuộc nhóm hộ VietGAHP là đã tốt nghiệp sơ cấp hoặc trung cấp. Các hộ đều có kinh nghiệm trong chăn nuôi lợn, số năm kinh nghiệm bình quân là 16 - 17 năm. Diện tích đất và diện tích chăn nuôi lợn của hộ VietGAHP cao hơn so với hộ không VietGAHP. Quy mô chăn nuôi của nhóm hộ VietGAHP cũng cao hơn, gấp khoảng 2 lần so với hộ không VietGAHP. Bình quân một năm, hộ chăn nuôi VietGAHP xuất chuồng khoảng 58 con lợn trong khi hộ chăn nuôi không VietGAHP chỉ xuất chuồng khoảng 25 con.

### 3.2. Tình hình thực hiện các tiêu chí VietGAHP trong chăn nuôi lợn của các hộ

Quy trình VietGAHP trong chăn nuôi lợn có 12 nhóm tiêu chí (Bảng 2), trong mỗi nhóm tiêu chí có nhiều tiêu chí nhỏ khác nhau. Trong các hộ áp dụng quy trình VietGAHP trong chăn nuôi lợn có mẫu điều tra không có hộ nào đạt từ 80 - 100% của 12 nhóm tiêu chí. Nhóm tiêu chí có nhiều hộ đạt ở mức từ 50 - 80% gồm tiêu chí con giống và quản lý con giống, vệ sinh chăn nuôi, quản lý và Phòng trị bệnh, quản lý nhân sự và kiểm tra nội bộ. Nhóm tiêu chí thứ hai cũng có nhiều hộ đạt ở mức từ 50 - 80% gồm các tiêu chí như quản lý thức ăn, nước uống và vệ sinh; bảo quản và sử dụng vacxin và thuốc thú y; quản lý chất thải và bảo vệ môi trường. Các nhóm tiêu chí có rất ít hộ đạt được từ mức 50 - 80% gồm ghi chép, lưu trữ hồ sơ, truy nguyên nguồn gốc, thu hồi sản phẩm và tiêu chí về khiếu nại, giải quyết khiếu nại. Nguyên nhân là

do các hộ chưa nhận thức được vai trò của các tiêu chí này. Các hộ cho rằng các tiêu chí không cần thiết, ngại ghi chép và đặc biệt nhận thấy rằng không thực hiện các tiêu chí này cũng không ảnh hưởng tới năng suất, chất lượng và hiệu quả chăn nuôi lợn của các hộ nên các hộ chăn nuôi không thực hiện đầy đủ. Nhìn chung

mức độ đạt được các tiêu chí trong chăn nuôi lợn VietGAHP tại huyện Cẩm Giàng cũng tương tự với huyện Tiên Lữ, Hưng Yên.

Về xếp hạng 3 nhóm tiêu chí VietGAHP quan trọng nhất, theo ý kiến của người chăn nuôi nhóm tiêu chí quan trọng nhất là con giống và quản lý con giống (Bảng 3). Lý do được các hộ

**Bảng 1. Thông tin chung về các hộ điều tra**

Diễn giải	ĐVT	Hộ chăn nuôi	
		VietGAHP	Không VietGAHP
Chủ hộ là nam giới	% mẫu	97,56	84,21
Tuổi bình quân chủ hộ	Tuổi	47,17	48,58
Trình độ văn hóa	% mẫu		
Dưới trung học cơ sở		29,27	42,12
Trung học phổ thông		53,66	57,88
Sơ cấp, trung cấp		17,07	0
Tập huấn kỹ thuật chăn nuôi	% mẫu	100	78,95
Số năm kinh nghiệm	Năm	16,51	17,21
Diện tích đất bình quân/ hộ	m <sup>2</sup>	629,83	423,16
Diện tích chuồng bình quân/hộ	m <sup>2</sup>	131,67	80,26
Bình quân số lợn thịt/ năm	Con	58,67	25,14
Bình quân số con lợn/lứa	con	20,14	10,62

Nguồn: Số liệu điều tra hộ chăn nuôi lợn (2015)

**Bảng 2. Đánh giá tình hình thực hiện VietGAHP của các hộ chăn nuôi lợn VietGAHP**

Tiêu chí	Số lượng (hộ)		Cơ cấu (%)	
	Số hộ đạt từ 50 - 80%	Số hộ đạt < 50%	Số hộ đạt từ 50 - 80%	Số hộ đạt < 50%
Địa điểm xây dựng chuồng trại	27	14	65,85	34,15
Thiết kế chuồng trại, kho và thiết bị chăn nuôi	28	13	68,29	31,71
Con giống và quản lý con giống	41	0	100,00	0,00
Vệ sinh chăn nuôi	39	2	95,12	4,88
Quản lý thức ăn, nước uống và nước vệ sinh	35	6	85,37	14,63
Quản lý dịch bệnh và phòng trị bệnh	40	1	97,56	2,44
Bảo quản và sử dụng vacxin và thuốc thú y	32	9	78,05	21,95
Quản lý chất thải và bảo vệ môi trường	36	5	87,80	12,20
Quản lý nhân sự	41	0	100,00	0,00
Ghi chép, lưu trữ hồ sơ, truy nguyên nguồn gốc và thu hồi sản phẩm	3	38	7,32	92,68
Kiểm tra nội bộ	41	0	100,00	0,00
Khiếu nại và giải quyết khiếu nại	4	37	9,76	90,24

Nguồn: Số liệu điều tra hộ chăn nuôi lợn (2015)

**Bảng 3. Xếp hạng tầm quan trọng của các tiêu chí VietGAHP của người chăn nuôi (3 tiêu chí quan trọng nhất)**

Nội dung tiêu chí	Xếp hạng
Con giống và quản lý con giống	1
Thiết kế chuồng trại, kho và thiết bị chăn nuôi	2
Quản lý thức ăn, nước uống và nước vệ sinh	3
Quản lý dịch bệnh và phòng trị bệnh	3
Quản lý chất thải và bảo vệ môi trường	3

Nguồn: Kết quả thảo luận nhóm với hộ nông dân (2015)

chăn nuôi giải thích là vì chất lượng và nguồn gốc con giống sẽ ảnh hưởng đến năng suất chăn nuôi và khả năng chống chịu bệnh của đàn lợn. Nhóm tiêu chí quan trọng thứ hai là thiết kế chuồng trại, kho và thiết bị chăn nuôi. Các tiêu chí quan trọng được xếp hạng thứ ba theo các hộ chăn nuôi bao gồm quản lý thức ăn, nước uống, vệ sinh trong chăn nuôi, phòng trị bệnh và quản lý chất thải chăn nuôi. Nhận thức về tầm quan trọng của các tiêu chí này có ảnh hưởng đến năng suất chăn nuôi và khả năng xảy ra dịch bệnh của người dân khá phù hợp với lý thuyết. Ngoài ra, các nghiên cứu trước đây về các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng xảy ra dịch bệnh trong chăn nuôi cũng đã chứng minh việc thiết kế chuồng trại và thiết bị chăn nuôi đặc biệt là cung cấp nước uống qua vòi, có chỗ cho lợn ăn riêng, vệ sinh chăn nuôi và quản lý chất thải tốt tác động tích cực trong giảm thiểu rủi ro dịch bệnh (Nguyễn Thị Thu Huyền và cs., 2016; Hurnik *et al.*, 1994; Lambert *et al.*, 2012)

### 3.3. Lợi ích của áp dụng VietGAHP trong chăn nuôi lợn

#### 3.3.1. Giảm dịch bệnh cho lợn

Rủi ro dịch bệnh có liên quan nhiều đến thực hành chăn nuôi của hộ và hộ có khả năng giảm thiểu dịch bệnh nếu nâng cao kỹ thuật và quy trình chăn nuôi. Kết quả nghiên cứu ở bảng 4 đã chỉ ra quy trình VietGAHP có tác dụng tích cực trong việc giảm thiểu dịch bệnh. Cụ thể, trong tổng số lợn tại các hộ điều tra, tỷ lệ lợn mắc bệnh của các hộ VietGAHP thấp hơn nhiều so với các hộ không VietGAHP. Trong tổng số hơn 3 nghìn con lợn của nhóm hộ VietGAHP, tỷ

lệ lợn bị bệnh là khoảng 860 con, chiếm gần 26,8%. Đối với nhóm hộ không VietGAHP, tổng số lợn điều tra là khoảng 862 con và tỷ lệ lợn bị bệnh lên đến hơn 45% (Bảng 4). Tỷ lệ lợn bị chết do bệnh của nhóm hộ không áp dụng quy trình VietGAHP cũng cao hơn đáng kể so với nhóm hộ áp dụng quy trình VietGAHP. Nhóm hộ không áp dụng VietGAHP có số lợn bị chết do bệnh là 132 con, chiếm khoảng 15,3% tổng số lợn điều tra. Nhóm hộ áp dụng VietGAHP có số lợn bị chết do bệnh chỉ khoảng 50 con, chiếm 1,55% số lợn điều tra.

#### 3.3.2. Tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi tốt hơn

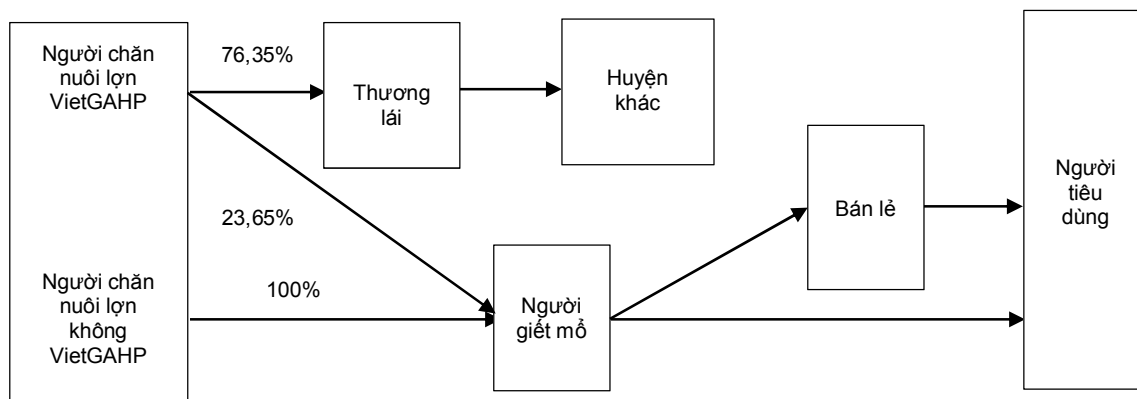
Sản phẩm lợn và thịt lợn VietGAHP ở Cẩm Giàng được tiêu thụ thông qua 2 kênh chính, chủ yếu là theo kênh thương lái, chiếm 76,35% tổng số lợn. Số lợn nuôi theo quy trình VietGAHP được tiêu thụ theo kênh người giết mổ chỉ chiếm 23,65% (Sơ đồ 1). Nguyên nhân là do lợn VietGAHP trong xã chủ yếu được các tư thương trung gian mua sau đó chở sang các lò mổ ở các khu vực khác như Hà Nội, Quảng Ninh, Hải Phòng. Theo phỏng vấn thương lái, lợn VIETGAHP có ngoại hình đẹp hơn, da có màu hồng sáng hơn và ít khi có dịch bệnh nên họ ưa chuộng hơn, đặc biệt khi vận chuyển sang các tỉnh khác. Ngoài ra mua lợn từ vùng GAP thì họ cũng thuận lợi hơn khi kiểm dịch sang các địa phương lân cận. Giá bán lợn VietGAHP so với lợn thường đôi khi cao hơn một chút, dao động cao nhất là 8.000 đ/kg, tuy nhiên giá cũng không ổn định.

Mặc dù các hộ chăn nuôi đang áp dụng theo quy trình VietGAHP nhưng chưa có một tổ chức/

**Bảng 4. Tình hình dịch bệnh trong các hộ điều tra trong năm**

Chỉ tiêu	VietGAHP		Không VietGAHP	
	Số lượng (con)	Cơ cấu (%)	Số lượng (con)	Cơ cấu (%)
Tổng số con lợn điều tra	3222	100	862	100
Số lợn bị bệnh	863	26,78	391	45,36
Số lợn bị chết	50	1,55	132	15,31

Nguồn: Số liệu điều tra hộ chăn nuôi lợn (2015)



**Sơ đồ 1. Kênh tiêu thụ sản phẩm lợn thịt của các hộ nông dân**

Nguồn: Tổng hợp kết quả thảo luận nhóm với các hộ chăn nuôi (2015)

doanh nghiệp nào đứng ra thu gom/mua thịt lợn sạch cho các hộ chăn nuôi hay tìm kiếm thị trường mới cho các hộ chăn nuôi để giảm sức ép về giá trên thị trường.

### 3.3.3. Kết quả và hiệu quả kinh tế chăn nuôi lợn cao hơn

Chi phí trung gian các hộ chăn nuôi lợn VietGAHP là 2.192,68 nghìn đồng/100.kg lợn hơi thấp hơn 549,44 nghìn đồng so với các hộ chăn nuôi không VietGAHP (Bảng 5). Nguyên nhân cụ thể do: (i) Giống của các hộ chăn nuôi VietGAHP chủ yếu do tự sản xuất ra nên chi phí giống thấp hơn so với các hộ không VietGAHP; (ii) Các hộ chăn nuôi VietGAHP chăn nuôi quy mô lớn hơn nên họ chủ yếu mua cám ở đại lý lớn, giá thấp hơn và chất lượng cám được đảm bảo hơn. Các hộ chăn nuôi không áp dụng quy trình VietGAHP thì ngược lại. Ngoài ra, một số hộ không đủ vốn chăn nuôi nên phải mua chịu thức ăn với giá cao. Các hộ không áp dụng quy trình VietGAHP còn sử dụng thêm các

loại cám truyền thống như gạo, ngô và tự phối trộn thức ăn. Việc tự phối trộn thức ăn có thể không đảm bảo cân bằng dinh dưỡng và ảnh hưởng đến năng suất chăn nuôi. Sự khác biệt giữa chi phí thức ăn của các hộ chăn nuôi VietGAHP và không VietGAHP là 200,53 nghìn đồng; (iii) Chi phí thú y của các hộ chăn nuôi cũng có sự khác nhau, đối với các hộ VietGAHP, do họ áp dụng đúng các quy trình kỹ thuật chăn nuôi nên giảm được tỷ lệ lợn bệnh và dẫn tới chi phí thú y cũng giảm.

Về giá trị doanh thu ở thời điểm điều tra, các hộ chăn nuôi theo quy trình VietGAHP có giá trị doanh thu đạt khoảng 5 triệu đồng/100 kg thịt lợn hơi, cao hơn so với các hộ chăn nuôi không VietGAHP, do giá bán của thịt lợn VietGAHP cao hơn giá bán của lợn không VietGAHP từ 7 - 8 nghìn đồng/kg. Do chi phí chăn nuôi thấp hơn, giá bán cao hơn nên giá trị gia tăng và thu nhập hỗn hợp của các hộ chăn nuôi VietGAHP cao hơn so với các hộ chăn nuôi lợn không VietGAHP. Qua những phân tích ở trên cho thấy chăn

**Bảng 5. So sánh hiệu quả kinh tế trong chăn nuôi lợn giữa các nhóm hộ chăn nuôi lợn VietGAHP và không VietGAHP**

Chỉ tiêu	VietGAHP (1)	Không VietGAHP (2)	(1) - (2)
1. Các loại chi phí (1000 đ)			
- Giống	466,09	759,37	-293,28(**)
- Thức ăn chăn nuôi	1.489,03	1.689,57	-200,53(**)
- Thú y	142,88	195,47	-52,59(**)
- Điện, nước	80,40	82,31	-1,92 <sup>(ns)</sup>
- Dụng cụ	14,27	15,39	-1,13 <sup>(ns)</sup>
- Chi phí trung gian (IC)	2.192,68	2.742,12	-549,45(**)
2. Một số chỉ tiêu kết quả và hiệu quả			
- Giá trị sản xuất (GO)	4.999,99	4.252,73	747,25(**)
- Giá trị gia tăng (VA)	2.807,31	1.510,61	1.296,70(**)
- Thu nhập hỗn hợp (MI)	2.257,31	1.310,61	946,7 (**)
- VA/IC	1,28	0,55	-
- MI/IC	1,03	0,48	-

Nguồn: Số liệu điều tra hộ chăn nuôi lợn (2015)

Ghi chú: \*\*: có ý nghĩa thống kê ở mức 5%, ns: không có ý nghĩa thống kê; Tính bình quân cho 100 kg thịt lợn hơi xuất chuồng

nuôi lợn theo hướng VietGAHP có lợi hơn so với hướng chăn nuôi thông thường.

### 3.3.4. Lợi ích khác

Phỏng vấn cá nhân cũng như thảo luận nhóm cho thấy nông dân tham gia chăn nuôi lợn VietGAHP tự đánh giá họ được nâng cao về kiến thức và nhận thức về an toàn sinh học trong chăn nuôi và các thực hành, nâng cao kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm và sản phẩm thịt lợn, góp phần nâng cao sức khỏe của cộng đồng. Chăn nuôi lợn theo quy trình VietGAHP giúp giảm thiểu ô nhiễm môi trường do việc vệ sinh chăn nuôi tốt hơn, quản lý chất thải chăn nuôi cũng tốt hơn và hạn chế khả năng lây lan dịch bệnh cũng như tác hại của ô nhiễm môi trường nông thôn tới sức khỏe người dân. Tất cả các hộ chăn nuôi VietGAHP đều có định hướng tiếp tục áp dụng quy trình sản xuất trong thời gian tới.

### 3.4. Các khó khăn, thách thức trong chăn nuôi lợn VietGAHP

Mặc dù đã được chứng minh là áp dụng chăn nuôi theo quy trình VietGAHP đem lại nhiều lợi ích cho cả người chăn nuôi và cộng đồng nhưng trong thực tế còn rất nhiều khó

khăn dẫn đến thực trạng áp dụng chăn nuôi theo quy trình VietGAHP trên địa bàn huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương còn hạn chế.

#### 3.4.1. Tiêu chí VietGAHP và năng lực của hộ nông dân

Một là, xét về khía cạnh sản xuất, một số tiêu chí của quy trình VietGAHP tương đối khó thực hiện đối với các hộ chăn nuôi nhỏ. Đối với tiêu chí về chuồng nuôi, gồm cả vị trí và thiết kế chuồng trong điều kiện chăn nuôi lợn hiện nay là quy mô nhỏ trong khu dân cư nên khó thỏa mãn tiêu chí về vùng quy hoạch (Bảng 6). Các hộ thường không có khu dự trữ thức ăn, khu bảo quản thuốc thú y và dụng cụ chăn nuôi riêng cũng như khu thay quần áo, ủng và rửa tay riêng biệt. Nếu xây dựng lại cơ sở hạ tầng chăn nuôi thì đòi hỏi lượng vốn lớn và người chăn nuôi sẽ cần sự hỗ trợ về tài chính, tín dụng do năng lực tài chính hạn chế.

Về quản lý con giống, người chăn nuôi có nhận thức được vai trò của việc ghi chép về sử dụng vacxin và thuốc chữa bệnh của con giống nhưng trong thực tế rất ít hộ thực hiện do việc này đòi hỏi sự kiên nhẫn và cần động lực kinh tế. Người mua hiện nay chưa yêu cầu sổ sách

**Bảng 6. Một số tiêu chí khó thực hiện trong quy trình chăn nuôi lợn VietGAHP**

Tiêu chí	Chi tiết nội dung khó thực hiện
Chuồng nuôi	Nằm trong vùng quy hoạch Có khu dự trữ thức ăn, bảo quản thuốc thú y và dụng cụ chăn nuôi riêng Có khu để thay quần áo, ủng và rửa tay
Quản lý con giống	Có sổ ghi chép về việc sử dụng vacxin và thuốc chữa bệnh của con giống Nuôi riêng đàn lợn mới mua về ít nhất 2 tuần
Quản lý thức ăn	Lưu trữ mẫu thức ăn Ghi chép và lưu giữ thông tin về các loại cám sử dụng và cách phối trộn
Ghi chép lưu trữ hồ sơ	Ghi chép chi tiết thông tin liên quan đến dịch bệnh, chữa bệnh, các loại thuốc, cám và việc bán lợn...

*Nguồn: Tổng hợp từ kết quả điều tra hộ chăn nuôi lợn (2015)*

ghi chép việc sử dụng vacxin và thuốc chữa bệnh do đó người sản xuất sẽ ít có động lực để thực hiện. Việc nuôi riêng đàn lợn mới mua về ít nhất 2 tuần cũng khó thực hiện do các hộ chăn nuôi thường không có khu vực nuôi nhốt riêng và điều kiện đất đai chật hẹp.

Về quản lý thức ăn, hai mục khó thực hiện nhất là lưu trữ mẫu thức ăn; ghi chép, lưu giữ thông tin về các loại cám sử dụng và cách phối trộn cám. Nguyên nhân là do người chăn nuôi không có điều kiện để bảo quản mẫu cám. Cám để lâu sẽ bị ẩm mốc, vón cục và hỏng, mẫu lưu giữ không có giá trị. Cũng giống như ghi chép về sử dụng vacxin và thuốc chữa bệnh, người chăn nuôi rất ngại ghi chép thông tin loại cám sử dụng và cách phối trộn cám. Ngoài ra, nông dân cũng không tin tưởng chắc chắn liệu thức ăn công nghiệp cho lợn có đảm bảo chất lượng không. Điểm thú vị là Tiêu chí về vệ sinh chăn nuôi không được các hộ nêu là một trong các khó khăn nhất khi thực hiện quy trình VietGAHP, điều này khác với trường hợp của thành phố Hà Nội như đã được đề cập trong nghiên cứu của Nguyễn Ngọc Xuân và Nguyễn Hữu Ngoan (2014).

### **3.4.2. Thị trường tiêu thụ**

Thị trường tiêu thụ là yếu tố cơ bản quyết định tới việc áp dụng quy trình VietGAHP trong chăn nuôi nông hộ. Tại thời điểm điều tra, mặc dù lợn VietGAHP có thể được mua với giá cao hơn lợn thông thường đôi chút, song mức chênh lệch này khá thất thường và theo phỏng vấn cũng có những thời điểm chỉ bằng với giá bán của lợn thông thường. Một trong những nguyên

nhân chủ yếu là chưa có sự phân biệt thịt lợn VietGAHP và thịt lợn thường do chưa thiết lập được các chuỗi liên kết từ sản xuất tới thị trường; người tiêu dùng cũng chưa nhận biết được sản phẩm thịt lợn VietGAHP cũng như niềm tin của họ với các chứng nhận an toàn còn rất thấp (Nguyễn Thị Dương Nga, 2016). Lapar *et al.* (2017) cũng phát hiện ra các vấn đề tương tự tại huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

### **3.4.3. Các hoạt động kinh tế cạnh tranh trong nông hộ**

Ngoài chăn nuôi, nông dân có nhiều hoạt động kinh tế khác trong hộ như trồng trọt, kinh doanh buôn bán. Việc áp dụng quy trình VietGAHP được các hộ cho rằng tốn thời gian và công lao động chủ yếu cho việc ghi chép, lưu trữ hồ sơ và các hoạt động khác. Họ có sự cân nhắc về đầu tư lao động cho hoạt động kinh tế nào có hiệu quả nhất và có lựa chọn không áp dụng quy trình này (phỏng vấn các hộ không áp dụng quy trình). Giang Hương và cs. (2016) cũng chỉ ra rằng đóng góp thu nhập từ hoạt động chăn nuôi lợn so với các hoạt động kinh tế khác cũng là yếu tố ảnh hưởng tới quyết định có áp dụng quy trình VietGAHP.

## **4. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP**

VietGAHP là một giải pháp để giảm thiểu rủi ro dịch bệnh cũng như góp phần đảm bảo an toàn thực phẩm. Nghiên cứu tại huyện Cẩm Giàng cho thấy mức độ thực hiện các tiêu chí VietGAHP trong chăn nuôi lợn của hộ nông dân ở

mức các tiêu chí cơ bản. Trong các tiêu chí, người chăn nuôi cho rằng tiêu chí con giống và quản lý con giống, tiêu chí thiết kế chuồng trại, tiêu chí quản lý thức ăn, nước uống, tiêu chí quản lý dịch bệnh, tiêu chí quản lý chất thải được coi là các tiêu chí quan trọng nhất. Kết quả cho thấy tỷ lệ lợn mắc bệnh thấp hơn và hiệu quả kinh tế cao hơn ở nhóm hộ áp dụng quy trình chăn nuôi VietGAHP so với nhóm hộ không áp dụng VietGAHP. Mặc dù vậy, chăn nuôi lợn VietGAHP tại quy mô nông hộ gặp các khó khăn và cản trở chính về việc thỏa mãn một số tiêu chí về quy hoạch, cũng như cơ sở vật chất trong điều kiện nguồn lực hạn hẹp của nông hộ, và khó khăn về thị trường. Để phát triển chăn nuôi lợn theo quy trình VietGAHP trong thời gian tới, một số giải pháp sau đây được đề xuất (i) Bộ Nông nghiệp và PTNT đơn giản hóa quy trình phù hợp hơn với thực tiễn chăn nuôi lợn của Việt Nam (tương tự như VietGAP với trồng trọt); (ii) Tăng cường tập huấn và truyền thông tới các hộ chăn nuôi để tiếp tục thay đổi nhận thức và hành vi trong chăn nuôi nhằm tạo ra sản phẩm an toàn cho người tiêu dùng; (iii) Chính sách ưu đãi tín dụng cho các hộ chăn nuôi VietGAHP để nâng cấp cơ sở chuồng trại đảm bảo yêu cầu; (iv) Khuyến khích và tạo điều kiện các hộ chăn nuôi lợn VietGAHP liên kết ngang thành các tổ hợp tác hoặc hợp tác xã để tham gia vào các kênh bán lẻ hiện đại có thể truy xuất nguồn gốc sản phẩm, để có được giá bán cao hơn; (v) Quản lý thức ăn tại nông hộ là cần thiết, song cần thiết hơn nữa là quản lý chất lượng thức ăn ở cấp vĩ mô để không tồn tại dư lượng chất cấm trong thịt lợn; (vi) Cần công khai công bố các chỉ số về an toàn thực phẩm với sản phẩm thịt lợn VietGAHP và quảng bá nhãn hiệu sản phẩm thịt lợn VietGAHP để tăng nhận thức của người tiêu dùng cũng như người sản xuất về thịt lợn VietGAHP và (vii) Cần phải tăng cường quản lý, kiểm tra, giám sát và công khai minh bạch thông tin về chất lượng sản phẩm của các cơ

sở chăn nuôi VietGAHP, để người tiêu dùng tin tưởng vào chứng nhận VietGAHP.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Garforth C. J, A. P. Bailey and R. B. Tranter (2013). Farmers' attitudes to disease risk management in England: A comparative analysis of sheep and pig farmers. *Preventive Veterinary Medicine*, 110(3-4): 456-466.
- Giang Hương, Trần Thế Cường, Nguyễn Thị Huyền Trang và Ninh Xuân Trung (2016). Đánh giá áp dụng quy trình VietGahp trong chăn nuôi lợn thịt của các hộ nông dân trên địa bàn huyện Tiên Lữ, Tỉnh Hưng Yên. *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, 229(II): 91-98.
- Lambert M. E., J. Arsenault, Z. Poljak and S. D'Allaire (2012). Epidemiological investigations in regard to porcine reproductive and respiratory syndrome (PRRS) in Quebec, Canada. Part 2: Prevalence and risk factors in breeding sites. *Preventive Veterinary Medicine*, 104(2012): 84-93.
- Lapar Ma. Lucila, Nguyen Thi Duong Nga, Nguyen Thi Thinh, Nguyen Thi Thu Huyen, Fred Unger, Delia Grace (2017). Adoption and Impact of Gaps in Pig Value Chains: Implications for Institutional Policy and Practice Change. The 9<sup>th</sup> ASAE International Conference: Transformation in agricultural and food economy in Asia, 11-13 January 2017 Bangkok, Thailand.
- Nguyễn Ngọc Xuân, Nguyễn Hữu Ngoan (2014). Hiệu quả kinh tế chăn nuôi lợn tập trung theo hướng thực hành nông nghiệp tốt (vietgap) của các hộ nông dân ngoại thành Hà Nội. *Tạp chí khoa học và phát triển*, 12(6): 906-912.
- Nguyễn Thị Dương Nga (2016). Ứng xử của hộ gia đình trong tiêu dùng thịt lợn tại tỉnh Hưng Yên. *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, 229(II): 29-36.
- Nguyễn Thị Thu Huyền, Phạm Văn Hùng và Ninh Xuân Trung (2016). Các yếu tố ảnh hưởng đến nguy cơ xảy ra dịch bệnh trong chăn nuôi lợn ở tỉnh Hưng Yên. *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, 229(II): 53-59.
- Pham Van Hung and Nguyen Thi Duong Nga (2015). A descriptive report of baseline surveys: Reducing disease risks in smallholder pig value chains in Vietnam - The case of Nghe An and Hung Yen provinces.